



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2016

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
(Về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015)

Kính thưa Đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vải Sợi May Mặc Miền Bắc

Được sự phân công của HĐQT Công ty Cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc thay mặt phòng kế toán kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Báo cáo tài chính năm 2015 đã được Công ty TNHH kiểm toán BDO tiến hành kiểm toán, được ban kiểm soát công ty kiểm tra và đã được Hội đồng quản trị Công ty vải sợi may mặc Miền Bắc công bố công khai theo quy định. Các báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bao gồm:

- (1) Báo cáo của Ban Giám đốc.
- (2) Báo cáo của kiểm toán độc lập.
- (3) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015.
- (4) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015.
- (5) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2015.
- (6) Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2015.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2015 đã được Kiểm toán:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng tài sản	80.036.389.887
2	Doanh thu thuần	41.291.129.142
3	Lợi nhuận trước thuế	17.662.303.960
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 2015	3.975.420.662
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.686.883.298
6	Lãi cơ bản /01 cổ phiếu	2.400

Trên đây là nội dung Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

T/M HĐQT
(Đã ký)

Trần Thanh Hương



Tel: +84 (0)4 37833911/12/13
Fax: +84 (0)4 37833914
www.bdo.vn

20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc, được lập ngày 21/03/2016 từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

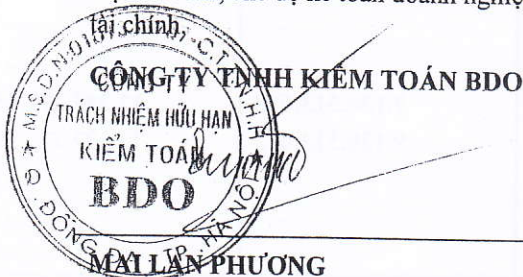
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo



MAI LAN PHƯƠNG

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0077-2013-038-1

NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2013-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.740.008.754	21.124.620.875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.655.125.073	18.060.159.367
1. Tiền	111		1.655.125.073	1.770.159.367
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	16.290.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		777.328.930	1.581.372.161
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	254.738.950	1.355.110.214
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.000.000	76.560.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	511.775.384	154.817.822
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(8.185.404)	(5.115.875)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	104.848.758	188.259.837
1. Hàng tồn kho	141		269.469.150	188.259.837
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(164.620.392)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.202.705.993	1.294.829.510
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	411.226.591	533.502.254
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	366.234.561
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	1.791.479.402	395.092.695
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.296.381.133	67.479.011.237
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		52.159.867.490	55.086.733.870
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	52.159.867.490	55.086.733.870
- Nguyên giá	222		87.609.375.672	87.503.801.672
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.449.508.182)	(32.417.067.802)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.136.513.643	12.392.277.367
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	9.136.513.643	12.392.277.367
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		80.036.389.887	88.603.632.112

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.930.208.933	15.126.146.466
I. Nợ ngắn hạn	310		6.806.656.933	15.126.146.466
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	122.305.838	224.420.543
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.082.618	95.513.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	2.917.281.838	9.393.228.983
4. Phải trả người lao động	314		1.729.385.157	2.141.686.585
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	96.593.865	201.735.598
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.11	1.810.909	8.140.909
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	2.114.637.674	3.132.588.979
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(230.440.966)	(71.168.431)
II. Nợ dài hạn	330		123.552.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12	123.552.000	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.106.180.954	73.477.485.646
I. Vốn chủ sở hữu	410		73.106.180.954	73.477.485.646
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.13	57.029.400.000	57.029.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.029.400.000	57.029.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.13	8.028.766.656	7.161.556.736
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.13	8.048.014.298	9.286.528.910
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.048.014.298	9.286.528.910
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		80.036.389.887	88.603.632.112

NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ

Người lập

NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI

Kế toán trưởng



ĐINH VĂN TÙNG

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2015	NĂM 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14	41.291.129.142	42.715.850.928
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.14	41.291.129.142	42.715.850.928
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.15	23.901.641.090	14.711.758.384
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.389.488.052	28.004.092.544
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	425.692.844	7.675.516.811
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.17	1.070.703.089	949.551.461
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.18	12.551.559.746	15.523.587.412
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.192.918.061	19.206.470.482
11. Thu nhập khác	31	VI.20	17.920.832.634	7.980.115.625
12. Chi phí khác	32	VI.20	4.451.446.735	4.851.499.524
13. Lợi nhuận khác	40		13.469.385.899	3.128.616.101
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.662.303.960	22.335.086.583
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.19	3.975.420.662	4.990.888.198
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.686.883.298	17.344.198.385
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.22	2.400	3.041
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.400	-

NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ
Người lập

NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI
Kế toán trưởng



ĐINH VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

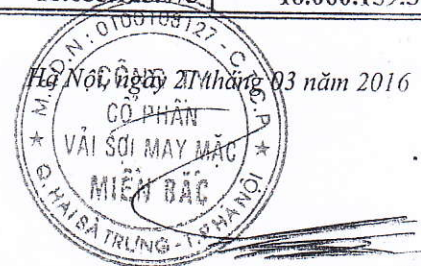
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2015	NĂM 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	47.045.251.066	46.507.033.173
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(15.245.778.478)	(15.885.082.827)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.568.303.062)	(12.094.863.704)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.876.331.082)	(3.714.091.217)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.476.271.498	7.739.045.424
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.577.486.258)	(24.458.232.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.253.623.684	(1.906.191.719)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(603.440.000)	(1.239.773.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	322.000.000	110.527.267
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	10.050.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	421.622.526	1.416.005.430
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	140.182.526	10.336.759.197
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.801.650.545)	(10.225.800.675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.801.650.545)	(10.225.800.675)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(2.407.844.335)	(1.795.233.197)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.060.159.367	19.855.392.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.810.041	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.655.125.073	18.060.159.367



[Signature]

[Signature]

NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ
Người lập

NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI
Kế toán trưởng

ĐINH VĂN TÔNG
Tổng Giám đốc